

Bản án số: 151/2017/HSST
Ngày 16/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA - TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Tòng

2/ Ông Hồ Văn Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án ND huyện Tĩnh Gia

Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Tĩnh Gia tham gia phiên tòa:

Ông Lê Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 145/2017/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc B - Sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 9, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Ngọc H và bà Lê Thị C; có vợ là Nguyễn Thị V và có 02 con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/3/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2017 đến nay, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1) Anh: Lê Thanh Th - Sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T - Thanh Hóa

2) Anh: Dương Văn D - Sinh năm 1976 (có mặt)

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện T - Thanh Hóa.

3) Anh: Nguyễn Viết X - Sinh năm 1968 (có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T - Thanh Hóa

- 4) Anh: Trần Văn S - Sinh năm 1960 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 5) Anh: Đậu Văn T - Sinh năm 1973 (có mặt)
Trú tại: Thôn B, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 6) Anh: Lưu Văn H - Sinh năm 1978 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 7) Anh: Tống Văn T - Sinh năm 1976 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 8) Anh: Dương Công Ph - Sinh năm 1989 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 9) Anh: Lê Trung Th - Sinh năm 1985 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã H, huyện T - Thanh Hóa
- 10) Anh: Phạm Văn T - Sinh năm 1990 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn B, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 11) Anh: Lê Trung Th - Sinh năm 1990 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã H, huyện T - Thanh Hóa
- 12) Anh: Đậu Văn H - Sinh năm 1985 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 13) Anh: Nguyễn Văn D - Sinh năm 1975 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T – Thanh Hóa
- 14) Anh: Phạm Văn T - Sinh năm 1982 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 15) Anh: Vũ Văn M - Sinh năm 1987 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 16) Anh: Lưu Đình L - Sinh năm 1990 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 17) Anh: Lưu Thế Q - Sinh năm 1992 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 18) Anh: Trần Văn M - Sinh năm 1991 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 19) Anh: Nguyễn Văn C - Sinh năm 1966 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn L, xã H, huyện T - Thanh Hóa
- 20) Anh: Mai Văn Th - Sinh năm 1976 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn H, xã H, huyện T - Thanh Hóa

- 21) Anh: Nghiêm Văn T - Sinh năm 1980 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn B, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 22) Anh: Vũ Đình H - Sinh năm 1983 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 23) Anh: Nghiêm Văn L - Sinh năm 1982 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 24) Anh: Lê Văn H - Sinh năm 1985 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 25) Anh: Trần Văn H - Sinh năm 1986 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 26) Anh: Nguyễn Văn T - Sinh năm 1978 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 27) Anh: Lê Văn Q - Sinh năm 1976 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 28) Anh: Phan Từ Th - Sinh năm 1990 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 29) Anh: Lê Văn A - Sinh năm 1979 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 30) Anh: Lưu Văn N - Sinh năm 1999 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 31) Anh: Nguyễn Văn T - Sinh năm 1976 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn B, xã N, huyện T - Thanh Hóa
- 32) Anh: Lưu Văn Th - Sinh năm 1972 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T - Thanh Hóa

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Ngọc B đã có thời gian làm công nhân của Công ty TNHH G trong công trường Lọc hóa dầu N - Tĩnh Gia. Tuy nhiên do nhu cầu công việc, nên ngày 01/3/2017 Công ty TNHH G chấm dứt hợp đồng lao động đối với B. Đến tháng 5/2017 Nguyễn Ngọc B đến Công ty TNHH Lắp máy và xây dựng Công nghiệp V để xin việc làm, nhưng không được nhận. Lúc này Nguyễn Ngọc B biết được các công trình trong công trường Lọc hóa dầu N đã hoàn thành gần hết, lực

lượng công nhân thất nghiệp ngày càng nhiều, nhu cầu tìm việc làm ngày càng tăng, nên B đã nảy sinh ý định đứng ra xin việc làm cho những người có nhu cầu nhằm chiếm đoạt tiền của họ.

Để thực hiện được ý định của mình, ngày 12/5/2017 B gọi điện thoại nói với một số công nhân quen biết trong thời gian làm việc tại công trường Lọc hóa dầu Nghi Sơn, là B có thể xin cho họ vào làm việc trong Công ty TNHH Lắp máy và xây dựng Công nghiệp Việt, đồng thời yêu cầu những người muốn xin việc phải nộp cho B số tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng để làm thẻ ra vào công trường, tiền học an toàn và tiền quần áo bảo hộ lao động.

Vì tin tưởng Nguyễn Ngọc B có thể xin được việc làm, nên nhiều người đã đến gặp B nộp hồ sơ và tiền, sau khi nhận tiền và hồ sơ B hẹn đến Cổng số 1 Công trường Lọc hóa dầu N vào ngày 17/5/2017 để đi học an toàn, nhận quần áo bảo hộ lao động và đi làm. Tuy nhiên đến ngày 17/5/2017 những người nộp hồ sơ xin việc và tiền cho B không thấy B đến nơi hẹn, gọi điện thoại thì B trốn tránh và nói dối là bị tai nạn đang phải nằm điều trị ở Bệnh viện.

Bằng thủ đoạn nêu trên, từ 12/5/2017 đến 16/5/2017, Nguyễn Ngọc B đã thu được 32 hồ sơ xin việc của 32 người và chiếm đoạt được số tiền 34.250.000 đồng. Cụ thể Nguyễn Ngọc B đã chiếm đoạt của những người sau:

Anh: Lê Thanh Thủy bị B chiếm đoạt 1.500.000 đồng; Anh: Dương Văn D bị B chiếm đoạt 1.500.000 đồng; Anh: Nguyễn Viết X bị B chiếm đoạt 1.500.000 đồng; Anh: Trần Văn S bị B chiếm đoạt 1.500.000 đồng; Anh: Đậu Văn T bị B chiếm đoạt 1.500.000 đồng; Anh: Lưu Văn H bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Tống Văn T bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Dương Công P bị B chiếm đoạt 1.500.000 đồng; Anh: Lê Trung T bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Phạm Văn T bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Lê Trung T bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Đậu Văn H bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Nguyễn Văn D bị B chiếm đoạt 1.500.000 đồng; Anh: Phạm Văn T bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Vũ Văn M bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Lưu Đình L bị B chiếm đoạt 1.250.000 đồng; Anh: Lưu Thế Q bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Trần Văn M bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Nguyễn Văn C bị B chiếm đoạt 1.500.000 đồng; Anh: Mai Văn T bị B chiếm đoạt 1.500.000 đồng; Anh: Nghiêm Văn T bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Vũ Đình H bị B chiếm đoạt 1.500.000 đồng; Anh: Nghiêm Văn L bị chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Lê Văn H bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Trần Văn

H bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Nguyễn Văn T bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Lê Văn Q bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Phan Từ T bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Lê Văn A bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Lưu Văn N đã nộp hồ sơ xin việc cho B; Anh: Nguyễn Văn T đã nộp hồ sơ xin việc cho B; Anh: Lưu Văn T đã nộp hồ sơ xin việc cho Nguyễn Ngọc B.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên thì Nguyễn Ngọc B bị phát hiện, nên ngày 22/5/2017 và ngày 25/5/2017, B đã tự nguyện giao nộp 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*) và 32 hồ sơ xin việc cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia. Số tiền còn lại B sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia truy tố Nguyễn Ngọc B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 BLHS.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia duy trì công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 33 BLHS và đề nghị xử phạt Nguyễn Ngọc B từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại.

XÉT THẤY

Qua phần thẩm vấn công khai tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Ngọc B đều khai và thừa nhận như sau:

Do đã có thời gian làm công nhân của Công ty TNHH G tại công trường Lọc hóa dầu N. Ngày 01/3/2017 Công ty G chấm dứt hợp đồng lao động đối với B. Đến tháng 5/2017 B đến Công ty TNHH Lắp máy và xây dựng Công nghiệp V để xin việc làm, nhưng không được nhận. Lúc này tuy không có khả năng xin được việc làm và B biết được các công trình trong công trường Lọc hóa dầu N đã hoàn thành gần hết, lực lượng công nhân thất nghiệp ngày càng nhiều, nhu cầu tìm việc làm ngày càng tăng, nên B đã nảy sinh ý định đứng ra xin việc làm cho những người có nhu cầu nhằm chiếm đoạt tiền của họ.

Để thực hiện được ý định của mình, ngày 12/05/2017 Nguyễn Ngọc B gọi điện thoại nói với một số công nhân quen biết trong thời gian làm việc tại công

trường Lọc hóa dầu N, là B có thể xin cho họ vào làm việc trong Công ty TNHH Lắp máy và xây dựng Công nghiệp V, đồng thời yêu cầu những người muốn xin việc phải nộp cho B số tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng để làm thẻ ra vào công trường, tiền học an toàn và tiền quần áo bảo hộ lao động.

Vì tin tưởng Nguyễn Ngọc B có thể xin được việc làm, nên nhiều người đã đến gặp B nộp hồ sơ và tiền, sau khi nhận tiền và hồ sơ B hẹn đến Cổng số 1 Công trường Lọc hóa dầu N vào ngày 17/5/2017 để đi học an toàn, nhận quần áo bảo hộ lao động và đi làm. Tuy nhiên đến ngày 17/5/2017 những người nộp hồ sơ xin việc và tiền cho B không thấy B đến nơi hẹn, gọi điện thoại thì B trốn tránh và nói dối là bị tai nạn đang phải nằm điều trị ở Bệnh viện.

Bằng thủ đoạn nêu trên, từ 12/5/2017 đến 16/5/2017, Nguyễn Ngọc B đã thu được 32 hồ sơ xin việc của 32 người và chiếm đoạt của 29 người được số tiền 34.250.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Ngọc B đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Quyền sở hữu tài sản luôn được pháp luật bảo vệ nhưng B đã không bỏ sức lao động chân chính để có được, bản thân không có khả năng xin được việc làm nhưng bằng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của chủ sở hữu tài sản và những người quen biết nên B đã chiếm đoạt của nhiều người với số tiền 34.250.000đ và hồ sơ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, táo tợn, gây hoang mang tâm lý trong nhân dân và gây mất trật tự xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra đều thể hiện sự thành khẩn khai báo, số tiền chiếm đoạt đã bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Nên cần áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS để giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, cần cách ly khỏi xã hội đối với bị cáo là cần thiết.

Xét về trách nhiệm dân sự: Số tiền B đã trả lại cho 24 người gồm anh: Lê Thanh T; Anh: Dương Văn D; Anh: Nguyễn Viết X; Anh: Trần Văn S; Anh: Đậu Văn Th; Anh: Lưu Văn H; Anh: Tống Văn T; Anh: Dương Công P; Anh: Lê Trung T; anh: Phạm Văn T; Anh: Lê Trung T; Anh: Đậu Văn H; Anh: Nguyễn Văn D; Anh: Phạm Văn T; Anh: Vũ Văn M; Anh: Lưu Đình L; Anh: Lưu Thế Q; Anh: Trần Văn M; Anh: Nguyễn Văn C; Anh: Mai Văn T; Anh: Nghiêm Văn T; Anh: Vũ Đình H; Anh: Nghiêm Văn L; Anh: Lê Văn H và hiện nay các anh không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với anh Trần Văn Hưng bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng. Theo anh Hưng hiện nay B đã trả cho anh số tiền 800.000đ, còn lại 200.000đ B chưa trả. Đối với anh: Nguyễn Văn T bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Lê Văn Q bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Phan Từ Th bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng; Anh: Lê Văn A bị B chiếm đoạt 1.000.000 đồng. Cả 04 người bị hại đều khai chưa nhận được số tiền mà B chiếm đoạt. Tại phiên tòa B khai do đã trả cho nhiều người nên không nhớ hết được và B thống nhất bồi thường cho những người này trong số tiền 9.000.000 đồng đã nộp tại cơ quan điều tra. Do vậy cần chấp nhận và buộc B phải bồi thường cho anh: Nguyễn Văn T 1.000.000 đồng; Anh: Lê Văn Q 1.000.000 đồng; Anh: Phan Từ Th 1.000.000 đồng; Anh: Lê Văn A 1.000.000 đồng và anh Trần Văn H 200.000 đồng.

Hiện nay B đã tự nguyện giao nộp số tiền 9.000.000đ để tiếp tục bồi thường. Do vậy cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

Đối với anh: Lưu Văn Ng; anh Nguyễn Văn Th; anh Lưu Văn T đã nộp hồ sơ xin việc cho B. Hiện nay các anh không có mặt nhưng qua các tài liệu thể hiện B chưa nhận tiền của các anh, do vậy không có cơ sở buộc bị cáo phải bồi thường.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc B: 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự.

Buộc Nguyễn Ngọc B phải bồi thường cho: Anh Trần Văn H 200.000 đồng; Anh: Nguyễn Văn T 1.000.000 đồng; Anh: Lê Văn Q 1.000.000 đồng; Anh: Phan Từ Th 1.000.000 đồng; Anh: Lê Văn A 1.000.000 đồng, tổng cộng cả 05 người là 4.200.000 đồng. Anh H, anh T, anh Q, anh Th và anh A được nhận số tiền bồi thường 4.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 00617 ngày 09/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia, Nguyễn Ngọc B được nhận lại số tiền 4.800.000 đồng theo biên lai trên.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Nguyễn Ngọc B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; đối với bị cáo B và người bị hại là anh Dũng, anh X, anh Th kể từ ngày tuyên án, đối với người bị hại gồm các anh: T; S; H; Th; Ph; Th; T; Th; H; D; Th; M; L; Q; M; Ch; T; T; H; L; H; T; Q; Th; H; A; N; T và T kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Thi hành án HS; dân sự;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

